

Số: 2909/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 31 tháng 10 năm 2017

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trạm bơm không ống cột nước thấp tiêu và cấp nguồn Cửa Gàn, thành phố Hưng Yên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Trạm bơm không ống cột nước thấp tiêu và cấp nguồn Cửa Gàn, thành phố Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2338/TTr-SKHĐT ngày 26/10/2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Đầu tư xây dựng công trình Trạm bơm không ống cột nước thấp tiêu và cấp nguồn Cửa Gàn, thành phố Hưng Yên, với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên Báo cáo KTKT:** Công trình Trạm bơm không ống cột nước thấp tiêu và cấp nguồn Cửa Gàn, thành phố Hưng Yên.

**2. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên.

**3. Đơn vị tư vấn lập Báo cáo KTKT:** Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Thái Hưng.

**4. Chủ nhiệm lập Báo cáo KTKT:** KS. Bùi Ngọc Đích.

**5. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng trạm bơm Cửa Gàn để đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời cho khu vực, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hưng Yên.

**6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng**

6.1. Nhà trạm

- Xây dựng trạm bơm gồm 06 tổ máy bơm không ống HD 4.000-2,0 động cơ 33 Kw (05 máy bơm tiêu và 01 máy bơm tưới); nhà trạm 01 tầng kích thước nhà trạm lxb= (18,0x4,24)m, được bố trí kết hợp phía trên buồng hút; cao trình

sàn động cơ thiết kế +2,55m (riêng đối với cao trình sàn động cơ gian bơm tưới thiết kế +2,35 m), cao trình sàn mái nhà thiết kế + 7,75m.

+ Kết cấu: Nhà trạm có kết cấu khung giằng, cột bằng bê tông cốt thép mác 200 đá (1x2)cm; tường nhà trạm xây gạch chỉ đặc mác 75 vữa XMCV mác 75, phần lộ thiên trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm; tường trong và ngoài nhà quét vôi ve 03 nước (01 nước trắng, 02 nước màu); sàn động cơ và sàn mái đổ BTCT mác 200 đá (1x2)cm; mái nhà trạm lợp tôn lạnh dày 0,40mm, hệ thống xà gồ, vì kèo bằng thép hộp mạ kẽm; bố trí 02 cửa đi hai phía đầu hồi nhà trạm bằng sắt xếp, cửa đi và cửa sổ là cửa nhựa lõi thép gia cường kính mờ dày 5,0mm, hoa sắt cửa sổ bằng thép vuông đặc; có bố trí hệ thống điện chiếu sáng nhà trạm.

#### 6.2. Buồng hút kết hợp lắp đặt 05 máy bơm không ống (máy bơm tiêu):

- Buồng hút nhà trạm thiết kế kết hợp nằm phía dưới nhà trạm, kích thước mỗi buồng  $b \times h = (2,0 \times 3,05)m$ , cao trình đáy -0,65m, cao trình đầm bơm +0,72m; kết cấu bản đáy cống đổ bê tông cốt thép mác 200 đá (1x2) cm dày 50cm, bê tông lót móng mác 100 đá (4x6) cm dày 10cm, nền móng gia cố bằng cọc tre  $\Phi(6-8)$  cm L= 3,0m với mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>; tường cống, tường trụ pin, đầm bơm đổ BTCT mác 200.

- Gia cố bể hút trạm bơm: Đáy bể gia cố bằng bê tông xi măng mác 200 đá (1x2) cm dày 30cm, dưới rải nilon lót tái sinh, cát đen lót đáy móng dày 10 cm với kích thước  $b \times h = (5,5 \times 18,0)m$ ; hai bên mái bể được gia cố bằng xây đá hộc vữa XMCV mác 100 dày 30cm, phía dưới lót đá dăm (2x4) cm dày 10cm, thoát nước mái kè bằng ống nhựa PVC D60, chân khay xây đá hộc vữa XMCV mác 100 với kích thước  $b \times h = (0,4 \times 0,5)m$ , phía dưới lót đá dăm (2x4) cm dày 10cm, nền móng chân khay gia cố bằng cọc tre  $\Phi(6-8)$ cm, chiều dài cọc L= 2,0m, mật độ 20 cọc/m<sup>2</sup>.

6.3. Cống tưới tiêu tự chảy kết hợp máy bơm không ống (máy bơm tưới) và bể xả trạm bơm: Xây dựng cống điều tiết gồm 02 cửa kết hợp nằm phía dưới nhà trạm để dâng nước tưới và tiêu tự chảy với kích thước 01 cửa  $b \times h = (2,5 \times 3,05)m$  để tưới tiêu tự chảy kết hợp làm bể xả máy bơm tưới và kích thước cửa còn lại  $b \times h = (1,85 \times 2,85)m$  lắp đặt 01 máy bơm tưới, cao trình đáy -0,65m, cao trình đầm bơm +0,52m; kết cấu bản đáy cống đổ bê tông cốt thép mác 200 đá (1x2) cm dày 50cm, bê tông lót móng mác 100 đá (4x6) cm dày 10cm, nền móng gia cố bằng cọc tre  $\Phi(6-8)$  cm L= 3,0m với mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>; tường cống, tường trụ pin, tường cánh cống và đầm bơm đổ BTCT mác 200; hệ thống dàn van cống bằng BTCT mác 200 đá (1x2)cm, bố trí 02 cánh cống bằng thép và 02 cánh cống BTCT; nâng và hạ cánh cống bằng máy đóng mở bằng điện.

#### 6.4. Bể xả trạm bơm (bể xả cho 05 máy tiêu) và cầu qua bể xả:

- Bể xả nhà trạm có kích thước  $l \times b \times h = (17,8 \times 6,2 \times 4,3)m$ , cao trình đáy bể -0,65m; kết cấu đáy bể đổ bê tông cốt thép mác 200 đá (1x2) cm dày 50cm, bê tông lót mác 100 đá (4x6) cm dày 10cm, nền móng bể gia cố bằng cọc tre  $\Phi(6-8)$  cm L=3,0m với mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>; cửa xả nhà trạm được nối tiếp với bể xả có kết cấu đáy đổ BTCT mác 200 đá (1x2) cm dày 30cm, dưới rải nilon lót tái sinh,

cát đen lót móng dày 10cm, hai bên mái cửa xả được gia cố bằng xây đá hộc vữa XMCV mác 100 dày 30cm, phía dưới lót đá dăm (2x4) cm dày 10cm, thoát nước mái kê bằng ống nhựa PVC D60, chân khay xây đá hộc vữa XMCV mác 100 với kích thước bxxh= (0,45x0,5)m, phía dưới lót đá dăm (2x4) cm dày 10cm, nền móng chân khay gia cố bằng cọc tre  $\Phi(6-8)$ cm, chiều dài cọc L= 2,0m, mật độ 20 cọc/m<sup>2</sup>.

- Cầu qua bể xả: Được thiết kế phía trên bể xả trạm bơm, chiều dài cầu thiết kế L= 17,8m, chiều rộng toàn mặt cầu thiết kế B= 5,0m (trong đó bề rộng lòng cầu  $B_{\text{lòng cầu}}= 4,50\text{m}$ , bề rộng lan can hai bên cầu  $B_{\text{lan can}}= 2 \times 0,25 \text{ m} = 0,5 \text{ m}$ ), cao trình mặt cầu thiết kế +3,85m; kết cấu mặt cầu đổ BTCT mác 250 đá (1x2) cm dày 20cm, phía trên mặt cầu phủ lớp BTXM mác 300 đá (0,5x1) cm dày trung bình 6,0cm; có bố trí hai can bằng thép mạ kẽm dọc hai bên cầu; mặt đường hai bên đầu cầu bằng BTXM mác 250 đá (1x2) cm dày 18cm, phía dưới rải nilon tái sinh, tạo phẳng bằng cát đen dày trung bình 3cm, móng rải cấp phối đá dăm loại II dày 15cm.

#### 6.5. Hạng mục phụ trợ:

- Nhà quản lý: Phá dỡ nhà quản lý cũ và xây dựng mới nhà quản lý có kích thước bxxh= (10,2x5,8)m, gồm 03 gian (02 gian làm việc và 01 gian vệ sinh), nhà cấp IV, 01 tầng, có kết cấu khung cột, giằng móng, cột, lanh tô, sàn mái dầm bằng bê tông cốt thép mác 200; móng nhà đổ BTCT mác 200 đá (2x4)cm, nền móng nhà gia cố bằng cọc tre  $\Phi= (6-8)$ cm, chiều dài cọc L= 2,5m, mật độ cọc 25 cọc/m<sup>2</sup>; tường nhà, tường thu hồi xây gạch không nung VXM mác 50, tường nhà trát VXM mác 50 dày 1,5cm; nền móng nhà được đắp bằng cát đầm chặt, nền nhà lát gạch Ceramic, tường trong và tường ngoài nhà quét vôi 01 nước trắng 02 nước màu; cửa đi và cửa sổ là cửa nhựa lõi thép, kính mờ dày 5,0 mm; mái nhà lợp tôn chống nóng, chống ồn dày 0,40mm, hệ thống vì kèo, xà gồ bằng thép hình; bố trí hệ thống cấp thoát nước, thiết bị vệ sinh cho khu vệ sinh và bố trí hệ thống điện chiếu sáng và sinh hoạt.

- Cổng và tường rào: Trụ cổng có kích thước lxxbxxh= (0,45x0,45x2,7)m; kết cấu móng trụ đổ bê tông cốt thép mác 200 đá (2x4)cm, bê tông lót móng mác 100 đá (4x6) cm dày 10cm, trụ cổng xây gạch chỉ mác 75 VXM mác 75, phần lộ thiên trát VXM dày 1,5cm; cánh cổng bằng thép hộp mạ kẽm và thép vuông đặc (16x16) mm; tường rào có kết cấu xây gạch chỉ đặc mác 75 VXM mác 50 (đối với đoạn tường rào tiếp giáp bể xả nhà trạm móng tường xây đá hộc vữa XMCV mác 100), phần lộ thiên trát VXM mác 50 dày 1,5cm.

6.6. Phần thiết bị nhà trạm bơm gồm: 06 tổ máy bơm không ống đồng bộ loại HD 4.000-2,0-33 Kw, 01 tủ điện phân phối 400 A kích thước 1350x700x600, 01 tủ tụ bù 180 KVAR-440 V kích thước 1800x1000x600, 06 tủ điện đồng bộ loại 800x600x220; 04 bộ máy đóng mở bằng điện (02 máy VD5 và 02 máy VD10); 01 bộ mô nơ ray 3T và pa lăng xích 3T kéo tay dài 5,0m; nguồn điện được đấu nối từ trạm biến áp của trạm bơm Cửa Gàn cũ.

**7. Địa điểm xây dựng:** Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

**8. Diện tích sử dụng đất:** Công trình xây dựng chủ yếu trên diện tích công trình cũ.

**9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình**

- Nhóm dự án: Nhóm C.
- Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Công trình thủy lợi, cấp IV.

**10. Tổng dự toán : 8.800.000.000 đồng.**

*(Tám tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)*

**Trong đó:**

- Chi phí xây dựng: 4.637.739.000 đồng
- Chi phí thiết bị: 3.107.634.000 đồng
- Chi phí QLDA: 175.074.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 557.594.000 đồng
- Chi phí khác: 319.409.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 2.550.000 đồng

**11. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách tỉnh: 50% (chuyển nguồn từ công trình trạm bơm Cầu Gáy theo Công văn số 234/HĐND-KTNS ngày 26/6/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh); Ngân sách thành phố Hưng Yên: 50 %.

**12. Hình thức Quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức, thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định của Luật Xây dựng.

**13. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2017 – 2018.

**Điều 2:** Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Báo cáo kinh tế kỹ thuật Đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Tỉnh; Giá trị dự toán được duyệt làm cơ sở để chủ đầu tư quản lý vốn đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3:** Chánh văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hưng Yên; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *A*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT<sup>LT</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Quang**